

TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Lý Ngọc Tuyên¹, Nguyễn Tiến Dân¹, Phạm Thị Oanh¹, Phạm Thị Tú Anh¹,
Nguyễn Văn Minh²

Ngày nhận bài: 07/8/2024; Ngày phản biện thông qua: 05/11/2024; Ngày duyệt đăng: 10/11/2024

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) 31 chuyên ngành đào tạo thuộc 8 Khoa tại Trường Đại học Tây Nguyên năm 2023. Số SVTN đã khảo sát là 1.115 em, gồm có 305 nam, 810 nữ. Tỷ lệ SVTN năm 2023 các ngành được khảo sát năm 2024 có việc làm trung bình là 87,1%, số SVTN chưa có việc làm là 12,9%. Tỷ lệ số SVTN đi làm đúng chuyên ngành được đào tạo là 82,7%, số SVTN làm trái ngành đào tạo là 17,3%. Tỷ lệ số SVTN làm việc ở khu vực Nhà nước chiếm 36,7%, số SVTN làm việc tại các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp tư nhân là 52,0%, số SVTN tự tạo việc làm là 9,1%, số SVTN làm những công việc có yếu tố nước ngoài chiếm tỷ lệ 2,2%. Đa số SVTN các ngành làm việc tại tỉnh Đắk Lắk chiếm tỷ lệ cao với 62,8%, làm tại Tây Nguyên là 12,7%. SVTN làm việc TP. Hồ Chí Minh chiếm 9,7%, làm việc tại các tỉnh khác là 14,8%. Mức thu nhập trung bình của SVTN các ngành, các Khoa đã khảo sát đạt trung bình 6,3 triệu đồng/tháng.

Từ khóa: Sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm, làm đúng chuyên ngành, khu vực làm việc, thu nhập trung bình.

1. MỞ ĐẦU

Những năm gần đây, vấn đề việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) tại các trường đại học trở nên khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó có tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh có nhiều biến động, nhu cầu tuyển dụng lao động bị thu hẹp (Lý Ngọc Tuyên, 2023). Đối với các cơ quan, tổ chức nhà nước, nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức ngày càng có yêu cầu cao hơn về chất lượng và có nơi thừa về số lượng. Không chỉ đối với các trường đại học ngoài công lập, ngay cả các trường đại học công lập có danh tiếng, không phải tất cả sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm (Vũ Thị Huệ, 2018; Nguyễn Thị Diên, 2018).

Một trong những nguyên nhân khác nữa là việc có thêm nhiều cơ sở đào tạo như các trường đại học ra đời dẫn đến số lượng sinh viên được đào tạo cùng các chuyên ngành ngày càng nhiều, cung vượt quá cầu. Về chủ quan, việc có được việc làm hay không, liên quan rất nhiều đến phẩm chất, năng lực, trình độ, kỹ năng của người được đào tạo (Bùi Thị Lan, 2018).

Theo báo cáo năm 2022 của Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước có 75 trường đại học, học viện cơ sở có đào tạo nhóm ngành Kỹ thuật, Công nghệ, Kinh tế và Sư phạm. Số liệu về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các trường đại học có việc làm là 72,1%, sinh viên tốt nghiệp

chưa có việc làm chiếm 27,9% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Kết quả khảo sát cho thấy, có 87,1% số SVTN được đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên đã có việc làm (Lý Ngọc Tuyên, 2024). Đây là một cố gắng rất lớn của Trường và kết quả sự phấn đấu rèn luyện, học tập của sinh viên. Con số trên càng có ý nghĩa trong bối cảnh tình hình tìm kiếm việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học ra trường khó khăn như hiện nay. Bài viết sau phản ánh một vài đặc điểm về tình trạng việc làm của SVTN năm 2023 tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: SVTN năm 2023 của Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Địa điểm nghiên cứu: tại tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh, thành phố trong nước nơi có SVTN của Trường Đại học Tây Nguyên đang đi làm hoặc đang cư trú.

2.3. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2024.

2.4. Phương pháp nghiên cứu:

- Phỏng vấn trực tiếp các cựu SVTN bằng điện thoại. Trong quá trình gọi điện thoại khảo sát, viết ngay thông tin kết quả, dữ liệu và ghi âm lại các cuộc gọi.

- Thông tin thu thập chính gồm: Tình trạng việc

¹Phòng Quản lý chất lượng, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Phòng Tổ chức Cán bộ, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Lý Ngọc Tuyên; ĐT: 0905198926; Email: lntuyen@ttn.edu.vn.

làm của SVTN, làm đúng chuyên ngành hay trái ngành, khu vực làm việc, nơi làm việc của SVTN, thu nhập trung bình hàng tháng của SVTN các ngành, các Khoa.

- Một số báo cáo, công trình nghiên cứu liên

quan đã được công bố trên Internet.

- Nhập, lưu trữ và xử lý dữ liệu, số liệu: Bảng phần mềm Microsoft Excel 2016.

- Số lượng và thành phần SVTN năm 2023 được chọn khảo sát như sau:

Bảng 1. Số lượng và thành phần SVTN năm 2023 được chọn khảo sát

STT	Khoa	Số ngành khảo sát	Số SVTN khảo sát	Nam	Nữ
1	Y Dược	3	351	95	256
2	Kinh tế	7	330	69	261
3	Ngoại ngữ	2	125	16	109
4	Sư phạm	6	124	17	107
5	Khoa học TN-CN	4	68	42	26
6	Nông Lâm nghiệp	5	54	33	21
7	Chăn nuôi TY	2	52	26	26
8	Lý luận Chính trị	2	11	7	4
TỔNG		31	1115	305	810

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

ngành, các khoa trong Trường được khảo sát năm 2024 như sau

3.1. Tỷ lệ có việc làm của SVTN các Khoa

a. Tỷ lệ có việc làm của SVTN năm 2023 các

Bảng 2. Tỷ lệ có việc làm của SVTN năm 2023 các khoa trong Trường

STT	Khoa	SVTN đã có việc làm		SVTN chưa có việc làm	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chăn nuôi TY	51	98,1	1	1,9
2	Ngoại ngữ	118	94,4	7	5,6
3	Sư phạm	110	88,7	14	11,3
4	Nông Lâm	47	87,0	7	13,0
5	Kinh tế	286	86,7	44	13,3
6	KHTN-CN	58	85,3	10	14,7
7	Y Dược	292	83,2	59	16,8
8	Lý luận CT	9	81,8	2	18,2
TỔNG / TB		971	87,1	144	12,9

Nguồn: Lý Ngọc Tuyên (2024).

Kết quả trong Bảng 2 cho thấy Sinh viên các ngành đào tạo của Trường sau khi tốt nghiệp có việc làm khá cao. Tỷ lệ SVTN các ngành thuộc Khoa Chăn nuôi Thú y có việc làm cao nhất với 93,4%, xếp thứ hai là khoa Ngoại ngữ, thứ ba là khoa Sư phạm. SVTN các Khoa khác đều có tỷ lệ việc làm TB đạt trên 81,8%. Tỷ lệ SVTN các Khoa cả Trường có việc làm trung bình là 87,1%.

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới quá trình tìm kiếm và ứng tuyển việc làm của sinh viên sau tốt

nghiệp như xếp loại tốt nghiệp, kinh nghiệm làm việc, trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm, ngoại hình, và các nhân tố khác (Vũ Thị Mai Hương và Vũ Thị Hiền, 2021).

Đối sánh kết quả khảo sát tỷ lệ việc làm của SVTN ở Trường Đại học Tây Nguyên với một số trường đại học trong nước 3 năm gần đây như trong Bảng dưới.

Bảng 3. Đối sánh tỷ lệ có việc làm của SVTN Trường Đại học Tây Nguyên và một số trường đại học trong nước từ năm 2021 - 2023

STT	Năm tốt nghiệp	Năm khảo sát	Tỷ lệ việc làm của SVTN (%)					
			Trường ĐH Tây Nguyên	Trường ĐH Đà Lạt	Trường ĐH Nha Trang	Trường ĐH Quy Nhơn	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
1	2021	2022	85,9	86,9	89,6	88,7	96,2	72,2
2	2022	2023	84,4	86,5	89,5	88,5	98,4	83,0
3	2023	2024	87,1	87,5	88,6	87,9	96,7	87,0
TRUNG BÌNH			85,8	87,0	89,2	88,4	97,1	80,7

Nguồn: Trường Đại học Tây Nguyên (2022,2023,2024); Trường Đại học Đà Lạt (2022,2023,2024); Trường Đại học Nha Trang (2022,2023,2024); Trường Đại học Quy Nhơn (2022,2023,2024); Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (2022,2023,2024); Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2022,2023,2024).

Kết quả trong Bảng 3 cho thấy Tỷ lệ việc làm của SVTN sau 1 năm tại một số trường đại học trong nước khá cao, dao động từ 80,7% - 97,1%. Số SVTN Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có tỷ lệ việc làm cao nhất, trung bình đạt 97,1%, tiếp theo là Trường ĐH Nha Trang trung bình SVTN có việc làm là 89,2%, đứng thứ ba là Trường ĐH Quy Nhơn với 88,4% số SVTN có việc làm. Về mặt khách quan, SVTN có được việc

làm hay không, liên quan rất nhiều đến phẩm chất, năng lực, trình độ, kỹ năng của người được đào tạo. Thực tế cho thấy, số lượng ứng viên đăng ký dự tuyển hàng năm để tìm việc làm khá đông, song kết quả số người đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng còn hạn chế (Bùi Thị Lan, 2018).

b. Thực trạng tỷ lệ SVTN có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo như sau

Bảng 4. Thực trạng tỷ lệ SVTN có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo

STT	Khoa	SVTN làm đúng chuyên ngành		SVTN làm không đúng chuyên ngành	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Y Dược	287	98,3	5	1,7
2	Chăn nuôi TỠ	50	98,0	1	2,0
3	Ngoại ngữ	113	95,8	5	4,2
4	Khoa học TN-CN	52	89,7	6	10,3
5	Sư phạm	92	83,6	18	16,4
6	Nông Lâm nghiệp	37	78,7	10	21,3
7	Kinh tế	210	73,4	76	26,6
8	Lý luận Chính trị	4	44,4	5	55,6
TỔNG / TRUNG BÌNH		845	82,7	126	17,3

Nguồn: Lý Ngọc Tuyên (2024).

Kết quả Bảng trong 4 cho thấy Tỷ lệ SVTN khoa Y Dược làm đúng chuyên ngành được đào tạo tại Trường đạt cao nhất với 98,3%. Xếp thứ hai là SVTN khoa Chăn nuôi TỠ có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo đạt 98,0%, đứng thứ ba là khoa Ngoại ngữ với số SVTN đi làm đúng chuyên ngành được đào tạo là 95,8%. Trung bình số SVTN các Khoa cả Trường làm đúng chuyên ngành được đào tạo là 82,7%.

Tình trạng việc làm của SVTN làm đúng chuyên ngành được đào tạo đã thể hiện phần nào chất lượng đào tạo của Trường đang dần

được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thị trường lao động. Tuy nhiên, các Khoa cần tiếp tục nghiên cứu, cập nhật nội dung CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo gắn với thực tiễn. Trường cần kết nối nhiều hơn với các cơ quan, doanh nghiệp để SVTN hàng năm có tỷ lệ việc làm đúng chuyên môn được đào tạo ngày càng cao.

3.2. Nơi làm việc, khu vực làm việc, và thu nhập của SVTN

a. Nơi làm việc của SVTN các ngành, các Khoa của Trường

Bảng 5. Nơi làm việc của SVTN các ngành, các Khoa

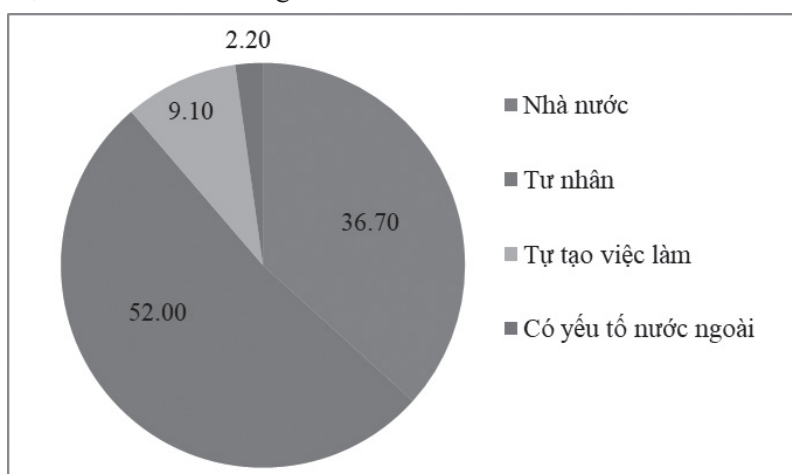
STT	Nơi làm việc của SVTN (Tỉnh / Thành phố)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đắk Lắk	610	62,8
2	Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng	123	12,7
3	Hồ Chí Minh	94	9,7
4	Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế	81	8,3
5	Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu	34	3,5
6	Long An, Kiên Giang	4	0,4
7	Nam Định, Hải Dương, Hà Nội	5	0,5
8	Nước ngoài (Lào, Israel, Úc, Mỹ)	20	2,1
TỔNG		971	100,0

Nguồn: Lý Ngọc Tuyên (2024).

Kết quả trong Bảng 5 cho thấy SVTN các ngành đào tạo tại Trường làm việc tại hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Đa số SVTN các ngành có việc làm tại tỉnh Đắk Lắk chiếm tỷ lệ cao nhất với 62,8%, tiếp theo SVTN làm việc tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên chiếm 12,7%, SVTN làm việc tại TP. Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ 9,7%. Số SVTN đang công tác, làm việc tại các tỉnh miền Trung và miền

Bắc chiếm tỷ lệ tương đối thấp từ 0,4 – 8,3%. Số SVTN có việc làm ở nước ngoài như Lào, Mỹ, Úc và Israel là 2,1%. Như vậy, phần lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm ở trong tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên.

b. Khu vực làm việc của SVTN các ngành, các Khoa như sau



Hình 1. Khu vực làm việc của SVTN các ngành, các Khoa đã khảo sát năm 2024

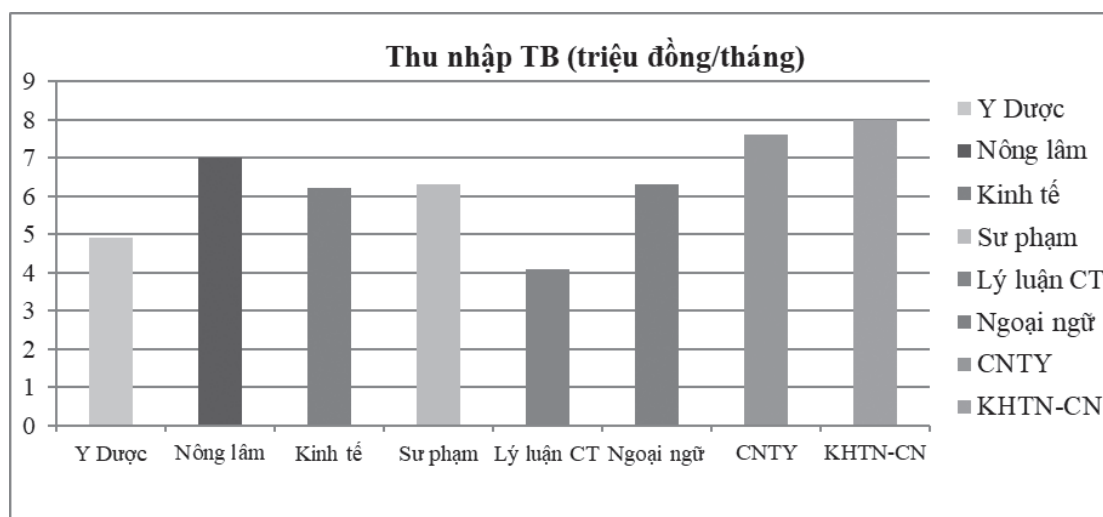
Kết quả Hình 1 cho thấy SVTN các ngành, các Khoa tại Trường những năm qua đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm tỷ lệ 35,3%. Đa số SVTN các ngành làm việc tại các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp tư nhân, đạt 58,8%, số còn lại làm những công việc có yếu tố nước ngoài và tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ 2,2%.

Các đơn vị tuyển dụng thường rất chú ý đến kết quả xếp loại tốt nghiệp và bằng điểm. Nó thể hiện sự cố gắng, ý thức và khả năng học tập của sinh viên. Khi tuyển dụng, các đơn vị thường quan tâm xem xét sinh viên học ở trường nào, bằng tốt nghiệp loại gì, lực học ra sao. Bằng tốt nghiệp giỏi, xuất sắc là tiêu chí ưu tiên hàng đầu của nhiều đơn vị khi tuyển dụng. Sinh viên có kết quả tốt nghiệp loại giỏi

và xuất sắc thường có cơ hội việc làm cao hơn sinh viên khá và trung bình (Vũ Thị Mai Hương và Vũ Thị Hiên, 2021).

Ngoài xếp loại bằng cấp, các đơn vị tuyển dụng còn quan tâm đến kinh nghiệm làm việc. Sinh viên mới ra trường thường không có hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm. Nếu đơn vị tuyển dụng yêu cầu quá cao về kinh nghiệm thì sinh viên khó đáp ứng được. Kinh nghiệm phải được tích lũy dần theo thời gian. Đối với sinh viên mới tốt nghiệp, các đơn vị tuyển dụng thường chú ý hơn đến kinh nghiệm trong quá trình đi học, khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc và thái độ làm việc.

c. Thu nhập của trung bình của SVTN các ngành, các Khoa như sau



Hình 2. Thu nhập trung bình của SVTN các ngành, Khoa đã khảo sát năm 2024

Kết quả trong Hình 2 cho thấy Mức thu nhập trung bình của SVTN các ngành, các Khoa đã khảo sát dao động từ 4,9 – 8,0 triệu đồng/tháng. SVTN của Khoa KHTN-CN có mức thu nhập cao nhất, với 8,0 triệu đồng/tháng, xếp thứ hai là SVTN khoa CNTY với 7,6 triệu đồng/tháng, thứ ba là SVTN khoa Nông Lâm nghiệp. Mức thu nhập trung bình của SVTN các ngành, các khoa đạt trung bình 6,3 triệu đồng / tháng. Như vậy, đa số sinh viên đều có mức thu nhập khá so với mặt bằng trung bình với mức thu nhập này đối với sinh viên mới tốt nghiệp ra trường có thể tự nuôi sống bản thân, đảm bảo cuộc sống ở mức bình thường, cũng là sự khích lệ có ý nghĩa.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát năm 2024 đã phản ánh được tình hình và thực trạng việc làm của SVTN năm 2023 thuộc 31 ngành của 8 Khoa đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên. Tỷ lệ SVTN của Trường có việc làm trung bình là 87,1%, tỷ lệ này cao hơn so với tỷ lệ trung bình chung của SVTN các trường đại học trong cả nước. Trong đó, tỷ lệ SVTN làm đúng chuyên ngành được đào tạo là 82,7%, đây là một con số đáng khích lệ của Trường, thể hiện chất lượng đào tạo của Trường đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và các Nhà tuyển dụng. Tỷ lệ số SVTN làm đúng chuyên ngành được đào tạo đã thể hiện phần nào chất lượng đào tạo của Trường đang dần được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

Đa số SVTN các ngành của Trường làm việc

tại các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp tư nhân chiếm 52,0%, SVTN làm việc ở khu vực Nhà nước chiếm 36,7%. Tỷ lệ SVTN tự tạo việc làm và làm việc có yếu tố nước ngoài chiếm tỷ lệ thấp từ 2,2 - 9,1%. Phần lớn SVTN làm việc tại Đắk Lắk, các tỉnh khu vực Tây Nguyên và tại TP. Hồ Chí Minh.

Mức thu nhập trung bình của cựu sinh viên các ngành, các Khoa đã khảo sát đạt từ 4,1 – 8,0 triệu đồng/tháng, mức thu nhập này đối với SVTN mới ra trường là tương đối ổn định. Điều này thể hiện SVTN được đào tạo tại Trường Đại học Tây Nguyên ngày càng có cơ hội việc làm với mức sống chấp nhận được, cho thấy uy tín và thương hiệu của Trường ngày càng được nâng lên.

Tóm lại, việc khảo sát nghiên cứu thực trạng việc làm của SVTN trong trường đại học là cần thiết. Từ đó các trường có chính sách phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp là một yêu cầu thực tiễn cấp thiết nhằm giúp tạo nguồn nhân lực đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, giảm tỷ lệ thất nghiệp sau đào tạo. Do vậy, các cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo cần phải có sự liên kết chặt chẽ trong công tác đào tạo và tuyển dụng nhằm mở rộng cánh cửa cơ hội việc làm cho SVTN. Bên cạnh đó, vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc định hướng và điều tiết nguồn nhân lực theo chiến lược phát triển đất nước ở từng giai đoạn khác nhau là rất quan trọng trong việc duy trì tính bền vững của cơ hội việc làm sau đào tạo.

EMPLOYMENT STATUS OF GRADUATES IN 2023 AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Ly Ngoc Tuyen¹, Nguyen Tien Dan¹, Pham Thi Oanh¹, Pham Thi Tu Anh¹,
Nguyen Van Minh²

Received Date: 07/8/2024; Revised Date: 05/11/2024; Accepted for Publication: 10/11/2024

ABSTRACT

The article presents the results of a survey on the employment situation of graduated students in 2023 of 31 majors trained at 8 faculties in Tay Nguyen University. 1115 the alumni were surveyed after graduating in the University, including 305 males and 810 females. The average rate of alumni in all majors that having jobs was 87.1%, the number of unemployed graduates was 12.9%. The rate of graduates worked in the right majors of training was 82.7%, the number of alumni working in the unrelated major was 17.3%. The proportion of alumni working in the state sectors accounts for 36.7%, the number of students working in private units and enterprises reaches to 52.0%, the remaining number work in foreign elements and self-employment accounts for a low rate of 2.2 - 9.1%. The majority of alumni worked in Dak Lak province, accounting for a high rate of 62.8%, the alumni working in the Central Highland was 12.7%, graduated students working in Ho Chi Minh City accounting for 9.7%. The alunies who working in other provices accounting for 14.8%. Average income of the surveyed alumni was 6.3 million VND/month.

Keywords: Graduates, employment rate, right major, working area, average income.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lý Ngọc Tuyền (2023). *Tình trạng việc làm của Sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Tây Nguyên từ năm 2018 - 2022, vấn đề trao đổi*. Kỷ yếu Hội thảo Tổng kết công tác Bảo đảm và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Tây Nguyên, tháng 12 năm 2023.
- Lý Ngọc Tuyền (2024). *Tình hình việc làm của Sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Tây Nguyên năm 2023*. Trường Đại học Tây Nguyên, 2024.
- Nguyễn Thị Diễm (2018). *Thực trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh*.
- Vũ Thị Huệ (2018). *Việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành xã hội học, thực trạng và giải pháp*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bùi Thị Lan (2018). *Vấn đề việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp*, Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Diễm (2018). *Thực trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp*, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2018.
- Vũ Thị Mai Hương và Vũ Thị Hiền (2021). *Vấn đề việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên khoa địa lý*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 66, trang 88-102.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các trường đại học tại Việt Nam*. Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022).
- Trường Đại học Tây Nguyên (2022). *Báo cáo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021*.
- Trường Đại học Tây Nguyên (2023). *Báo cáo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022*.
- Trường Đại học Tây Nguyên (2024). *Báo cáo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023*.
- Trường Đại học Đà Lạt (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021*.
- Trường Đại học Đà Lạt (2023). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022*.
- Trường Đại học Đà Lạt (2024). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023*.
- Trường Đại học Nha Trang (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021*.
- Trường Đại học Nha Trang (2023). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022*.

¹Department of Quality Assurance, Tay Nguyen University;

²Personnel Department, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Ly Ngoc Tuyen; Tel: 0905198926; Email: lntuyen@ttn.edu.vn.

- Trường Đại học Nha Trang (2024). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023.*
- Trường Đại học Quy Nhơn (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021.*
- Trường Đại học Quy Nhơn (2023). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022.*
- Trường Đại học Quy Nhơn (2024). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023.*
- Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021.*
- Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022.*
- Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (2024). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023.*
- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2022). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2021.*
- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2023). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2022.*
- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2024). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SVTN năm 2023.*